



HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION  
71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City  
T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

Số: 59 GGT-ĐHHL

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 trên báo cáo kiểm toán, chênh lệch lợi nhuận trên 5% trước và sau kiểm toán.

No.: 59 GGT-ĐHHL

Re: Explanation of the reasons for profit difference between the first 6 months 2020 compared with the first 6 months 2019 in audited report, 5% difference of profit before and after auditing.

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2020  
Hai Phong Aug 14<sup>th</sup>, 2020

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

**Respectfully:** STATE SECURITIES COMMISSION (SSC)  
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX)

Công ty CP Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 trên Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to provide explanation of the reasons for profit difference between the first 6 months 2020 compared with the first 6 months 2019 from the audited separate and consolidated Financial Statement of Company as follows:

Báo cáo Công ty mẹ/Separate Financial Statement:

DVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2020/ First 6 months 2020	6 tháng đầu năm 2019/ First 6 months 2019	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	257.924	185.649	72.275	39%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	1.879	2.395	(0.516)	-22%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	Net revenue from sale of goods and rendering of services	256.045	183.254	72.791	40%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	191.437	135.410	56.027	41%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	Gross profit from sale of goods and rendering of services	64.608	47.844	16.765	35%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	0.047	0.005	0.042	831%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1.981	0.663	1.318	199%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1.715	0.645	1.070	166%



Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2020/ First 6 months 2020	6 tháng đầu năm 2019/ First 6 months 2019	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	41.003	38.191	2.812	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	10.289	11.359	(1.070)	-9%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26)</b>	<b><i>Operating profit</i></b>	<b>11.383</b>	<b>(2.364)</b>	<b>13.747</b>	<b>582%</b>
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.042	0.241	(0.199)	-83%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.046	0.156	(0.110)	-70%
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b><i>Other profit</i></b>	<b>(0.004)</b>	<b>0.086</b>	<b>(0.090)</b>	<b>-105%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b><i>Net profit before tax</i></b>	<b>11.379</b>	<b>(2.278)</b>	<b>13.657</b>	<b>600%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	2.608	-	2.608	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b><i>Net profit after tax</i></b>	<b>8.771</b>	<b>(2.278)</b>	<b>11.049</b>	<b>485%</b>

Báo cáo hợp nhất/ Consolidated Financial Statement:

ĐVT/ Unit: billion VND

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2020/ First 6 months 2020	6 tháng đầu năm 2019/ First 6 months 2019	CHÉNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i></b>	<b>350.028</b>	<b>260.355</b>	<b>89.673</b>	<b>34%</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	<i>Deductions</i>	1.907	2.408	(0.501)	-21%
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b><i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i></b>	<b>348.121</b>	<b>257.948</b>	<b>90.173</b>	<b>35%</b>
4. Giá vốn hàng bán	<i>Costs of goods sold and services rendered</i>	272.679	199.283	73.396	37%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b><i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i></b>	<b>75.442</b>	<b>58.665</b>	<b>16.777</b>	<b>29%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	<i>Income from financial activities</i>	1.065	0.590	0.475	80%
7. Chi phí tài chính	<i>Expenses from financial activities</i>	3.436	1.571	1.865	119%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	2.555	1.199	1.356	113%
8. Chi phí bán hàng	<i>Selling Expenses</i>	43.769	40.877	2.893	7%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	<i>Administration Expenses</i>	14.166	15.648	(1.482)	-9%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 -22) – 25 – 26)</b>	<b><i>Operating profit</i></b>	<b>15.135</b>	<b>1.159</b>	<b>13.976</b>	<b>1206%</b>
11. Thu nhập khác	<i>Other income</i>	0.086	0.314	(0.228)	-73%
12. Chi phí khác	<i>Other expenses</i>	0.218	0.264	(0.045)	-17%
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b><i>Other profit</i></b>	<b>(0.132)</b>	<b>0.050</b>	<b>(0.183)</b>	<b>-364%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b><i>Net profit before tax</i></b>	<b>15.002</b>	<b>1.209</b>	<b>13.793</b>	<b>1141%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	<i>Current corporate income tax expense</i>	3.452	0.546	2.905	

200344  
ÔNG T  
Ô PH  
IỘP H  
LONG CANFO  
YÊN-TPH



Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2020/ First 6 months 2020	6 tháng đầu năm 2019/ First 6 months 2019	CHÊNH LỆCH/DIFFERENCE	
				Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<i>Deferred corporate income tax expense</i>	-	-		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b><i>Net profit after tax</i></b>	<b>11.551</b>	<b>0.663</b>	<b>10.888</b>	<b>1643%</b>

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2020 là lãi 8,7 tỷ, tức là tăng 11 tỷ, tương ứng tăng 485% so với 6 tháng đầu năm 2019 và thuộc trường hợp chuyển từ lỗ năm trước sang lãi năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là trong 6 tháng đầu năm 2020 doanh thu bán hàng tăng 39% (phát triển các kênh bán hàng mới, nhu cầu thị trường tăng mạnh do ảnh hưởng của dịch Covid-19...), trong khi quản lý doanh nghiệp giảm 9% so với năm 2019 nên lợi nhuận đạt 11,3 tỷ trước thuế và 8,7 tỷ sau thuế.

*The net profit after tax of parent company in the first 6 months 2020 achieved 8,7 billion, increased 11 billion, equivalent to 485% compared with the first 6 months 2019, belongs to the case transfer from loss in previous year to profit in this year. The explanation for this is the sales revenue in the first 6 months.2020 increased 39% (new sales channels development, the high increase in market demand caused by Covid-19 outbreak ...), while administration expenses dropped sharply, decreased 9% compared with 2019, therefore the profit reached 11,3 billion before tax and 8,7 billion after tax.*

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2020 đạt 11,5 tỷ, tăng 10,8 tỷ, tương ứng tăng 1643% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu bán hàng tăng mạnh (cả doanh thu nội địa và doanh thu xuất khẩu) cùng với việc kiểm soát chi phí chặt chẽ nên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 là lãi 15 tỷ trước thuế và 11,5 tỷ sau thuế.

*The net profit after tax of consolidated report of the first 6 months.2020 achieved 11,5 billion, increased 10,8 billion, equivalent to 1643% compared with the same period in 2019. The explanation for this is due to the high increase in sales revenue (both domestic and exports revenue) and tight cost control, so the business results in the first 6 months 2020 achieved 15 billion profit before tax and 11,5 billion profit after tax.*

Ngoài ra, so với báo cáo đã nộp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội, lợi nhuận trước thuế và sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 trên báo cáo Công ty chênh lệch hơn 5% so với báo cáo kiểm toán. Nguyên nhân là do Công ty điều chỉnh lại một số khoản chi phí trích trước và giá vốn hàng bán liên quan đến việc bồi thường lô hàng tồn kho từ công ty con.

*In addition, compared with reports having been submitted to SSC and HNX the difference between the profit before tax and after tax is more than 5% to compare with the audited Financial Statement report. The main reason is that our company adjusted some accrual expenses and cost of sales regarding compensation for defect of inventory from subsidiary.*

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

*Our Company would like to explain to your Agency.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HẠ LONG**

**HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KEK CHIN ANN**

